

## TÍCH XƯA TRUYỆN NAY

### Nhóm Chủ Trương

*Việc chính phủ Hà Nội nhường đất cho Trung Quốc ngày nay hiện trong vòng bưng bít của nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhưng lịch sử thường lặp lại, nên để hiểu cuộc bang giao Hoa Việt ngày nay, Truyền Thông xin cùng bạn đọc đọc lại những trang sử về cuộc bang giao giữa nhà Minh với triều đình nhà Mạc năm trăm năm trước đây.*

*Tài liệu lịch sử này trích từ cuốn Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn.*

Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Cụ tổ bảy đời là Đĩnh Chi, ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, tức làng Lũng Động, huyện Chí Linh, đầu trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) thời vua Trần Anh Tông, làm quan tới chức Nhập Nội Hành Khiển Thượng Thư Môn Hạ Tả Bộc Xạ, kiêm Trung Thư Lệnh, tri quân dân trọng sự, tiếng tăm vang dội. Đĩnh Chi sinh ông Dao, làm quan tới chức Ty Hình Viện Đại Phu. Ông Dao sinh bốn trai là Địch, Thuần, Thủy và Viên, cuối đời nhà Hồ năm cha con cùng ra hàng nhà Minh, dẫn quân Trương Phụ vào thành Đông Kinh. Ông Thủy có công trong việc bắt Hồ Hán Thương ở núi Cao Vọng, nên được phong chức Giao Chỉ Bố Chánh Ty Tham Chánh; ông Địch được chức Chỉ Huy Sử; ông Viên được chức Diêm Thiết Sử. Ứng Thủy sinh ra Ứng Trung, Ông Tung sinh ra ông Bình. Ứng Bình di cư về làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Ông Bình sinh ra ông Hịch. Ba đời nay cùng không vinh hiển. Ông Hiến sinh ba trai là Đăng Dung, thứ Đốc, kế là Quyết.

Đăng Dung sinh giờ ngo tháng 11 năm Quý Mão (1483). Dưới triều vua Lê Uy Mục thi đỗ Đốc Lược Sĩ, sung vào chức Túc Vệ, giữ việc cấm lọng theo xe vua; đến triều vua Lê Tương Dực được phong chức Vũ Xuyên Bá, sau vua Lê Chiêu Tông lại phong Vũ Xuyên hầu, giữ chức Trấn thủ Hải Dương. Việc triều chính thời đó rối loạn. Trịnh Duy Sản giết vua Lê Tương Dực, lập vua Lê Chiêu Tông và rước vua vào Tây Kinh. Trần Cao nhân thế chiếm kinh đô, tiến hiệu làm vua. Các cựu thần mang quân vây Đông Kinh, Trần Cao bỏ thành chạy lên Lạng Sơn. Trịnh Duy Sản mang quân truy nã, nhưng khinh địch khiến bị giặc giết chết. Sau đó Trần Chân mới phá được giặc. Quan trong triều Nguyễn Hoàng Dụ, và Trịnh Tuy đều là dòng dõi công thần bỗng gây hiềm khích: Hoàng Dụ, cất quân đánh Trịnh Tuy. Trịnh Tuy thua chạy về Lỗi Dương. Trần Chân bèn Trịnh Tuy cất quân đánh Hoàng Dụ. Hoàng Dụ chạy về Tống Sơn. Quyền binh về

một tay Trần Chân. Vua Chiêu Tông nghe lời gièm pha, lập mưu giết Trần Chân. Bộ tướng của Trần Chân mang quân về vây kinh thành, vua phải chạy sang Gia Lâm, Vua cho người vời Hoàng Dụ, Hoàng Dụ không động binh. Vua sai người mời Đăng Dung về giúp. Mối thoán đoạt gây nên từ đó. Mạc Đăng Dung phá được giặc nắm hết binh quyền. Vua Lê Chiêu Tông cùng với nội thần bỏ cung lên Sơn Tây thu xếp binh mã đánh Mạc Đăng Dung. Mạc Đăng Dung lập hoàng đế Xuân lên ngôi vua, tức vua Lê Cung Hoàng rồi rước về Gia Phúc, nay là Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Vua Lê Chiêu Tông chạy lên Sơn Tây, nhưng lại bị Trịnh Tuy bắt về Thanh Hóa. Năm 1524, Mạc Đăng Dung mang quân đánh Thanh Hóa, giết Trịnh Tuy, bắt được vua Chiêu Tông mang về Đông Hà, rồi sai người giết đi. Năm 1527, Mạc Đăng Dung bắt các quan nhà Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc.

Nước Đại Nam chia làm hai triều: Nam Triều là dòng dõi nhà Lê do Nguyễn Kim phò tá và Bắc Triều thuộc nhà Mạc suốt 72 năm. Nhà Mạc gồm năm đời: Mạc Đăng Dung (1527-1529), Mạc Đăng Doanh (1530-1540), Mạc Phúc Hải (1541-1546), Mạc Phúc Nguyên (1546-1561), Mạc Mậu Hợp (1562-1592).

Cuộc bang giao giữa nhà Mạc với Trung quốc khởi đầu từ việc vua Nam Triều Lê Trang Tông sai Trịnh Duy Liệu đi đường biển sang nhà Minh tâu cáo tội trạng Mạc Đăng Dung (1533). Vua nhà Minh, nhận sơ tấu giao đình thần đình nghị, tính chuyện cất quân sang hỏi tội nhà Mạc, nhưng vẫn còn do dự chưa ra quân. Cha con Mạc Đăng Doanh xiết đổi kinh hoàng, sai Nguyễn Văn Thái đem biểu tới Quảng Tây xin hàng, tình nguyện tuân theo lệnh triều Minh phân xử. Đồng thời hối lộ rất hậu cho các quan tỉnh Lương Quảng cùng các tướng tá các châu Khâm, châu Liêm. Các quan Trung Quốc nhận hối lộ, hứa chuyển tâu về triều đình xin tha tội cho vua nhà Mạc. Năm 1537 vua Thế Tông nhà Minh, tiếp tờ biểu xin hàng của cha con Mạc Đăng Dung sai Cửu Loan làm đò đốc, Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ đem quân sang đóng gần ải Nam Quan. Sắc ban cho Mao Bá Ôn như sau:

Trước đây, cháu vua nước An Nam có tâu rằng: "Vi tặc thần Mạc Đăng Dung làm loạn, cướp chiếm thành đô, đường sá nghẽn lối, cho nên thiếu sự cống hiến." Trẫm đã sai quan tra xét, biết đúng sự thực, đang định sai đem quân hỏi tội, thì lại tiếp tờ tấu của quan

trấn thủ Lương Quảng và Văn Nam tâu rằng: "Cha con Mạc Đăng Dung nghe tin thiên triều định hỏi tội, rất là sợ hãi và đã hối tỉnh, dâng biểu xin hàng, tình nguyện dâng tất cả thổ địa nhân dân nước ấy để thuộc quyền thiên triều thẩm định". Lời cầu xin cũng đáng thương, Bèn giao đình thần hội nghị, nhưng thấy đều cho là đi tình khó lường, lời kêu van tuy khẩn thiết, nhưng ý rất có thể quỷ quyệt. Bởi thế cần phải chính pháp tố nghĩa. Nay mệnh người hãy cùng Tổng Đốc Quân Vụ Hàm Ninh Hầu Cửu Loan, đến Quảng Đông Quảng Tây và Văn Nam, hội đồng với các Đề Đốc và các quan tướng phó tham tam ty, điều động thổ binh thổ quan trong ba xứ ấy đi hỏi tội Đăng Dung. Các cơ nghi chiến lược, cho người được tiện nghi định đoạt. Như cha con tên tặc thần quả đã hối tội, tự đem mình xin hàng, thì người xét đích thực tình trạng, rồi tâu gấp về triều đình. Nếu nó vẫn ngoan cố không đổi lỗi, thì phải giết chết không tha. Trong việc chiến trận, các người nên tùy nghi chăm chước, cần dùng kế vẹn toàn, cốt dẹp sự tiếm loạn, bắt được tội nhân, để tố nghĩa chinh phạt của thiên triều, để yên nhân dân nước phiên thuộc. Nay ủy trọng nhiệm này cho nhà ngươi."

Mao Bá Ôn bèn đi Quảng Tây, phái viên tri phủ Giang Nhất Quế và chỉ huy Vương Lương Phụ đến đặt dinh tại Bằng Tường, thẩm nghiệm xem cha con Mạc Đăng Dung có quả thực dốc lòng quy hàng thì nhận cho hàng, bằng không thì cho tùy nghi định đoạt. Như cha con tên tặc thần quả đã hối tội, tự đem mình xin hàng, phải nộp sổ ruộng đất và đích thân sang chịu tội thì được tha cho khỏi chết, một mặt truyền hịch cho kỳ lão nhân sĩ nước ta như sau:

Hoàng thượng ta, trung hưng giữ phận, thống nhất Hoa Di, các phương xa với, không đâu là không thần phục. Duy nước các người, đã lâu không tới triều đình, bèn sai quân môn vắng mệnh khám hỏi. Được biết nước các người có cha con Mạc Đăng Dung, Đăng Doanh, thừa cơ rộng dử, cướp đoạt ngôi vua, gây nên mầm loạn, liên tiếp binh đao, khiến cho nước các người nhân dân lầm than, làng xóm ly tán. Tội trạng đã rõ, pháp luật không tha. Thiên tử là chủ cả Hạ Di, tất trọng điều nhân khôi phục cho nước bị diệt; thánh nhân rất mực đạo cương thường, ắt tố cái nghĩa đánh dẹp để trừ kẻ phản nghịch. Nay con cháu nhà Lê chưa tuyệt, mà tội ác họ Mạc đã đầy, mệnh trời lòng người, rất là rõ ràng, không thể che giấu. Phàm những kẻ loạn thần tặc tử, thì ai ai cũng có quyền giết chết. Nước An Nam các người, tuy ở nơi hẻo lánh, nhưng đã từng thấm nhuần thánh giáo của thiên triều, há không có kẻ sĩ tôn sùng trung nghĩa, những tài đẹp loạn yên bang. Như có thể cùng dựng nghĩa binh, để giết tên đại ác, thì ta sẽ treo phần thưởng, để giúp cho chóng thành công. Các người nên kính lòng tạ ơn Thánh Thượng. Nghĩa

nghĩa họ Lê là vua cũ, họ Mạc là kẻ thù. Đều nên huy động lòng trung dũng, sắp đặt mưu kế, một xuống trăm họa, chẳng hẹn mà cùng, người gần vui, người xa lại, không ước mà nên. Nổi đoàn nghĩa sĩ giết kẻ tàn bạo, tuyên bố nhân thanh, yên dân xóm làng. Kẻ nào chém được đầu cha con Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh sẽ được thưởng 20,000 lượng bạc, và tâu triều đình thăng chức quan cao. Kẻ nào tình nguyện dâng một châu hoặc một huyện quy phụ, sẽ được cho làm quan cai trị châu hoặc huyện ấy, và đều được thưởng 5000 lượng bạc.

Ta lại biết Mạc Đăng Dung lấy Đồ Ấp làm nơi sinh sống; dùng Cửu Công làm đô đốc hộ vệ. Ôi! Các vị Cửu Công đâu có phải vô lương tâm, chẳng qua chỉ sợ uy thế đó thôi. Nay các vị Cửu Công có thể bắt chém cha con Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh sẽ được thưởng đồng đều mỗi vị 20,000 lượng bạc và tâu triều đình thăng tước trật cao, hoặc muốn dâng một phủ hay một châu hoặc một huyện quy phụ sẽ được chức cai trị phủ châu huyện đó và cũng được ban thưởng như trên. Như vậy thì dân vô tội nước An Nam sẽ khỏi nạn chém giết, kẻ chí sĩ nước An Nam sẽ được cái danh trung nghĩa. Trên thuận đạo trời, dưới yên lòng người, há không phải là một đại hạnh cho nước An Nam ru?

Nếu không thế binh thiên triều sẽ tấp nập đến ngay, lúc đó ngọc cũng như đá đều sẽ cháy tiêu, dù có những kẻ sĩ trung nghĩa cũng không phân biệt, tất cả đều phải đưa đầu chịu chết! Hối còn sao kịp.

Vậy cấp phát 14,000 tờ điệp văn của bản phủ cho các phủ Trường Khánh, Lạng Sơn và các châu Vinh An, Văn Uyên. Dân sĩ phụ lão các người nên tính mau mau!

Ngày 28 tháng 10 năm Canh Tí (1540) Mạc Đăng Dung sai Trần Phi tới doanh Niệm Nhai bày tỏ các khoản. Mao Bá Ôn ra lệnh chuẩn định tới hàng vào ngày 3 tháng 11. Bọn Giang Quế Nhất nhà Minh dựng sẵn tượng đài tại mạc phủ trấn Nam Quan. Đúng hẹn trên, Mạc Đăng Dung lưu cháu là Mạc Phúc Hải ở lại giữ nước, rồi tự dẫn tiểu mục và kỳ nhân là bọn Vũ Văn Quế đến cửa Nam Quan, tự trói mình ra hàng. Trên tượng đài đã đặt sẵn cái long đình, các quan phó giám tam ty trong Lương Quảng, đều ngồi trên đài. Đến khi có lệnh truyền mở cửa quan, Mạc Đăng Dung từ cửa bên tả bước ra, bỏ giày đi chân đất, quỳ gối hướng về phương bắc. Quan nhà Minh sai cởi trói cho bọn Mạc Đăng Dung và nhân tờ hàng biểu. Bọn Mạc Đăng Dung phủ phục lạy năm lạy và cúi đầu vái năm vái. Quan nhà Minh Truyền rằng:

Hãy dong cho đời tội về nước, chớ đẩy tâu lên triều đình cho được khỏi tội chết.

Bọn Mạc Đăng Dung rạp đầu xuống đất lạy tạ. Quan nhà Minh truyền đóng cửa quan rồi thu quân về.

Về nước, Mạc Đăng Dung sai cháu là Mạc Văn Minh cùng với tùy tùng gồm 28 người theo tùy viên của tướng nhà Minh đem hàng biểu dâng lên vua nhà Minh. Bài biểu như sau:

Hạ thần là kẻ mọn nơi biên cương, hiểu biết thấp kém, mỗi khi xa chờ ánh sáng phương Bắc, thấy sáng rực tới nước Nam, lại thấy trời đất thanh bình, bể sông yên lặng, hạ thần biết là Trung Quốc có bậc thánh nhân hưởng thiên uy chấn động mà vẫn có lòng nhân như khí mùa xuân khiến hạ thần vừa sợ vừa cảm kể sao cho xiết.

Cuối thời họ Lê chủ nước hạ thần, gặp vận truân chuyên, kế tiếp qua đời, truyền đến Lê Khoáng, chưa được bao lâu, lại lâm bệnh nặng, trong khi thoảng thốt, theo tục nước mọn, tạm giao phó việc nước cho hạ thần, rồi hạ thần lại giao cho con trai Đặng Doanh, nhưng đều chưa kịp tâu trình, như vậy là thiên quyền. Tuy thiên triều xa cách, khó tới thấu trình, nhưng tội lỗi tấy trời, đầu giám tự giấu.

Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 17, hạ thần đã kính cẩn sai Nguyễn Văn Thái dâng biểu xin hàng, và thuận theo thiên triều định đoạt. Đó là do tự lòng thành, không hề giả dối. Chỉ vì chí thành đó chưa tới thánh hoàng khiến hạ thần sớm tối không yên.

Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19, ngày 25 tháng giêng, Mạc Đăng Doanh không may bị bệnh chết, người trong nước chực nói theo tục cũ, định dựng con trưởng Đặng Doanh là Phúc Hải thay ngôi. Nhưng hạ thần tự nghĩ mấy lần trước truyền ngôi, chưa kịp tâu xin, đã lầm lỗi, thường áy náy không yên; nếu giờ lại theo ý người trong nước, sẽ nặng thêm tội, hết đường kêu van, cho nên hạ thần và Phúc Hải vẫn kính cẩn chờ mệnh thiên triều.

Vừa đây, đại tướng chuyên chinh, dẫn quân tới cõi, hạ thần ví như con lợn trong chuồng, đầu dám kháng cự. May được tướng quân truyền lệnh đòi hạ thần tới cửa quan gạn hỏi, được nghe truyền những lời nhân từ của Thánh Thượng, hạ thần cảm động đến gần giữa nước mắt! Bao nhiêu tội lỗi, thần xin nhận hết, còn lũ dân đen đều là vô tội. Bệ hạ khoan hồng, tha cho kẻ tội thần này còn chút hơi tàn, hạ thần xiết đãi cảm kích, đã hướng về phương Bắc mà tung hô.

Ngày 3 tháng 11 niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19, hạ thần đã cùng bọn Vũ Như Quế, Đỗ Thế Khanh, Đặng Văn Trị, kỳ nhân Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Tốc, sĩ nhân Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Trí Vinh, tự trói mình, thân tới biên thùy, cúi đầu trước mặt phụ tướng quân, dâng các khoản đầu hàng.

Đăng Dung thần hằng muốn đích thân tới kinh đô chiêm bái long nhan, xin nhận tội chết. Chỉ vì tuổi già mình yếu, đi lại khó khăn, cháu trưởng Phúc Hải thì đang cư tang. Bởi thế đã kính cẩn sai cháu họ Mạc Văn Minh thay thế hạ thần tới cửa khuyết, phủ phục đợi tội. Như vậy đủ để cho cha con hạ thần sai bọn Vũ Văn Thái dâng hàng biểu năm trước chính là do sợ sự uy mệnh đức chứ không có lòng gian trá.

Cúi mong thánh thượng nhân từ, nhủ lòng tha thứ,

cho hạ thần được đổi lỗi cũ. Còn như thổ địa nhân dân hạ quốc, đều thuộc quyền sở hữu của thiên triều, xin bệ hạ đoái tình nước mọn, tùy nghi định đoạt, cho hạ thần được nội thuộc, đổi sớ xưng là phiên quốc, hàng năm được lĩnh lịch Đại Minh Nhất Thống, đem ban phát khắp nước, để phụng theo ngày tháng. Đó là một đại hạnh cho hạ thần vậy.

Tuy tiên triều hạ quốc, họ Đinh, họ Trần họ Lê đều kế tiếp xưng tôn hiệu và đặt niên hiệu riêng. Đến hạ thần, sau khi cải hối, tự biết việc đó không thuận, nên đã nghiêm cấm trong nước, cải cách lỗi đó, chỉ chuyên chờ theo mệnh mới, chẳng dám theo lối xưa sợ đắc tội với thiên triều.

Thủ thần Khâm Châu tâu xưng: hai đô Như Tĩnh, Chiêm Lăng và bốn động Tư Phiêu, La Phù, Cổ Lâm, Liễu Cát là đất cũ của Khâm Châu. Nếu quả như vậy, thì những đất ấy do triều trước họ Lê mạo nhận. Nay hạ thần xin tình nguyện dâng các xứ ấy lệ thuộc vào Khâm Châu.

Còn như Lê Ninh và Duy Liệu tự xưng là con cháu họ Lê, thì người trong nước đều tương truyền là con Nguyễn Kim. Dòng dõi họ Lê đích thực không còn ai, cho nên hạ thần đã lập hương hỏa tại quốc đô để thờ phụng họ Lê.

Nay ở Văn Nam, lại có người cho Lê Ninh là dòng dõi họ Lê, hiện ở Lão Qua. Hạ thần đầu dám biện bạch. Dám cúi xin Thánh Hoàng sai sứ thần thẳng tới hạ quốc, tra hỏi khắp hàng cố lão, như ai biết ai là con cháu họ Lê, thì hạ thần xin dẫn quân thần đón hàng và trao trả hết thấy đất đai toàn quốc. Nếu quốc nhân đều công nhận họ Lê đích thực không còn ai, thì xin bệ hạ đoái thương đến dân đen cho hạ thần tạm coi việc nước.

Việc hạ quốc còn thiếu cống hiến trong mấy năm trước đây, tất nhiên sẽ xin nộp bù, và tự nay mỗi năm xin theo lệ cống hiến đầy đủ. Điều đó hạ thần không dám kêu nại vì hạ thần hiện là kẻ có tội, đang cầu xin khỏi chết còn sợ chưa được.

Hạ thần ước mong, chiếu theo lệ cũ triều trước của hạ quốc, mỗi năm cống hiến một người bằng vàng để thế mạng, nhưng còn sợ đường đột nên chưa dám. Nay nhân tâu sơ đầu hàng, xin bệ hạ định đoạt, và xin cho hạ thần được tạm dùng ấn tín lạng vàng do thiên triều đã cho hạ quốc từ trước. Những thứ ấy hạ thần vẫn cẩn thận cất giữ, và không dám tự ý đem dùng. Bằng không có thì không lấy gì làm chứng nghiệm. Cúi mong thánh triều soi xét.

Mặt khác Mạc Đăng Dung sai bọn Vũ Như Quế, Lê Thuyên và Nguyễn Kinh Tế dâng tờ biểu tâu vua nhà Minh rằng:

Bọn quốc nhân chúng tôi, tuy ở nơi hoang dã, song vẫn được nhờ ơn thiên triều mà sinh sống. Duy vì cách thiên triều quá xa, mà nước chúng tôi luôn luôn gặp nạn: khoảng năm Chánh Đức Gia Tĩnh, bọn nghịch thần Trần Cao, Trần Thắng, Trịnh Tuy và Đỗ Ôn Nhuận, nối tiếp nhau làm loạn, bức hiếp quốc

chủ Lê Diêu, Lê Huệ phải bỏ thành đô chạy trốn, hoàng tộc gần hết người, chỉ còn mỗi một Lê Khoáng giữ việc nước, nhưng chưa được bao lâu cũng bị bệnh chết. Khiến nơi nơi nhiễu loạn, dân đen lầm than đến cực độ! Lúc ấy Mạc Đăng Dung dẹp hết bọn tiếm nghịch, quá là người có công. Tuy nhiên, thổ địa nhân dân đều do thiên triều ban cho, thế mà Lê Khoáng đem trâu cho Đăng Dung, Đăng Dung nhận rồi lại tự trao cho con, mà chưa thỉnh mệnh, tội đó không thể chối được. Bọn quốc dân chúng tôi, cũng nhân sau cuộc loạn lạc, sợ tội ngưng cuồng lại nổ dậy như bọn Trần Cao hồi trước, thì tai vạ biết bao giờ hết. Trong lúc thăng thất, kiểm kê cầu sinh, tự chọn người chủ, suy đời Đăng Dung. Đó là do sự ngu muội, tội cũng như Đăng Dung vậy. Sau đấy vì đường sá xa xôi, cửa quan đóng kín, tuy mấy lần dâng sớ khẩn cầu, nhưng không sao tới được trước thiên nhan. Bởi vậy tội càng thêm nặng, đến nỗi oai trời nổi giận, sai tướng xuất quân. Năm trước quân môn truyền lệnh tới bản quốc, cha con Đăng Doanh sợ hãi không yên, đã kính cẩn xin hàng, chưa được chấp nhận. Nay đại tướng lại động binh, oai như sấm sét, vang động núi sông! Chúng tôi cảm chắc phen này không ai sống sót! Nào ngờ lại được ơn trời tha thứ dong cho đầu hàng. Khi viên giám thông thì tuyên dụ, thì nhân dân cả nước nhìn nhau mà giàn giụa nước mắt, cùng nhau đất giã công trẻ đều đến cửa quân, tình nguyện cùng Đăng Dung bỏ thân hàng phục. Được thoát sự chết là nhờ ơn trời đất ban cho, cảm kích ân hoan, không biết đâu là cùng! Quốc dân chúng tôi trọng nghĩa: dân không thể tự trị, việc tất phải chánh danh. Nếu danh không chánh thì việc không ai thống quản, việc không người thống quản thì dân sẽ tự tranh giành nhau, rồi tan rã mà không ai cấm. Như vậy muốn khỏi loạn vong, có thể được chăng? Nay bệ hạ đã cho Đăng Dung và người nước chúng tôi sống lại, thế mà lại bị chết vì cuộc rối loạn, thì chắc bệ hạ cũng không yên lòng. Bởi vậy chúng tôi kính cẩn tỏ niềm riêng, cúi mong bệ hạ ban bố ơn đức, cho chúng tôi trước sau đều được hưởng cảnh sinh sống.

Muôn tâu bệ hạ, Đăng Dung từ khi giữ việc nước tới nay, chưa từng làm điều gì bạo ngược, chỉ chăm lo sự lợi ích cho dân, cho nên dân đều cảm ơn đức. Nay đã sợ uy hối tội, cùng với cháu trưởng Phúc Hải đều dợi mệnh thiên triều, không dám tự tiện nhận giữ việc nước như trước, và không dám theo triều trước mà xưng tôn hiệu. Chúng tôi trọng nghĩa, ông cháu Đăng Dung tự ý làm đi mục, quả là có tội, đầu còn dám mong đến thịnh điển. Nhưng nghĩ cho chúng, họ Mạc tuy có tội thực, song đều bởi quốc dân quy phục, cho nên mới thành tội trạng đó.

Bây giờ nếu không nhờ ơn thánh thượng ban cấp cho một danh sắc, thì lấy gì cai trị người trong nước, để cho khỏi loạn. Bởi vậy, cúi mong bệ hạ thương dân phương xa, thuận tình nước mọn, ban cho họ Mạc một mệnh mới, tra theo việc cũ các triều trước,

hoặc cho làm Tổng Quản, hoặc cho làm Đô Hộ, để cai quản việc nước, đời đời xưng là phiên thần, lữ chúng tôi cũng giữ được chút sống thừa, đời đời xưng làm phiên dân, thì ơn tái tạo của bệ hạ sánh ngang trời đất, không bao giờ cùng vầy.

Mao Bá Ôn sai người đưa bọn Mạc Văn Minh đi Bắc Kinh và dâng sớ bàn về việc này:

Tuân theo thánh chỉ y cho bàn về việc Đăng Dung xin nội thuộc xưng phiên, hàng năm lĩnh lịch Đại Thống và xin nộp bù cống phẩm còn thiếu các năm trước. Vậy xin kính tâu:

Hạ thần xét việc nước An Nam, từ thời Hán thời Tống đến nay, tuy xưng là nội phụ, nhưng vì thói tục di lưu, khí độc lam chương, vốn không thích nghi với Trung Quốc. Và chẳng nước ấy cứ vài năm lại một lần loạn, mà đã loạn thì kéo bè kết đảng, đánh giết lẫn nhau, thế tái qua lại mấy năm mới yên. Thời Xưa Trương Phụ dùng hơn mười vạn quân đánh dẹp nước ấy, mà chỉ lập quận huyện được mấy năm, chúng lại liên tiếp phản bội, rồi cuộc quyền cai trị lại thuộc về người di. Đó là một chứng nghiệm rất rõ vậy. Nay chằm chước lợi hại thời trước, không gì bằng để nước ấy là nước ngoài, không sáp nhập Trung Quốc, dùng người di trị người di, mới được ổn tiện.

Như cho là Đăng Dung có tội, đầu hàng, nên chưa vội trao cho tước phẩm đất đai. Còn cháu y là Phước Hải hiện đương chờ mệnh. Nếu được bệ hạ lượng thương tha thứ, ban cho danh sắc, hoặc làm đô đốc, hoặc tổng quản, chiếu theo lệ thời Hán thời Đường. Hàng năm đến ty Bố Chánh Quảng Tây nhận ban cấp lịch Đại Thống. Nay thì tra số cống hiến còn thiếu về mấy năm trước thì phải nộp đủ. Từ đây về sau, cứ hàng năm phải theo lệ nộp cống một lần.

Các chức hành lệnh ở bốn động Tự Lâm, Cổ Sâm, Liêu Cát và La Phù thuộc Khâm Châu, nguyên là tước hầu nước An Nam, lại có chú thêm là chức quan tham chánh phó sử. Vậy xin chiếu nguyên ngạch biên vào bạ tịch Khâm Châu, và ưu đãi như hiện nay, chờ ba năm sau, sẽ cấp lương theo cấp bậc.

Các sứ bộ của nước ấy đã sai tới, từ trước tới nay, sau khi xong việc, xin cho về nước.

Đó chính là cách dùng người di trị người di vậy.

Còn như Lê Ninh, tuy tự xưng là con cháu họ Lê, nhưng hạ thần căn cứ vào lời đã tra xét của ty trước thì tung tích của y đích thực không rõ. Duy Liên một mặt ẩn náu ở trong động Lăng Thạch, Lâm Châu, nơi phụ cận với địa phương thổ quan Quảng Tây, cũng không biết diện mạo Lê Ninh ra sao, cho nên hoặc xưng là Lê Ninh, hoặc xưng là Lê Hiến, hoặc xưng là Quang Chiếu, hoặc xưng là Nguyễn Hòa, hoặc lại cho là con Nguyễn Kim, hoặc lại cho là do họ Trịnh bịa đặt ra. Gần đây ty Bố Chánh Vân Nam có mở cuộc hội thẩm, người di Trịnh Viên khai rằng "Động Tất Mã Giang tuy có tên là Lê Ninh, nhưng lai lịch về tổ tông không tường, diện mạo và tuổi tác của y so với nguyên báo của Trịnh Duy Liệu lại khác xa. Như vậy, đều không có gì làm bằng cứ.

Nay nên giao cho quan trấn thủ Vân Nam tra xét, nếu như quả có đủ bằng cứ, và không có gì mâu thuẫn, thì cứ cho y ở ngay nơi Động Tất Mã Giang đó, và những địa phương chung quanh nơi ấy đều cứ cho y quản lĩnh, hoặc cho y một chức vị thuộc Vân Nam. Nếu không phải con cháu nhà Lê thì xin bỏ qua khỏi bàn tới.

Còn Trịnh Duy Liệu, xin an sắp trong Quảng Đông, tùy theo nơi thuận tiện, và lượng cấp ruộng đất cho y khỏi phải lưu ly thất sở.

Phân xử như vậy mới chu đáo mọi lẽ. Kính xin bệ hạ cho họp bàn rồi tâu lên thánh thượng tâu định, dứt mối nghi ngờ, quyết định việc lớn. Tự đấy, hoa đi nơi ngoài, thấy đều yên vui vô sự.

Sau đấy quân Tàu kéo về hết. Mùa thu, tháng 8 ngày át hội, Đấng Dung chết. Cũng ngày này vua Thế Tông nhà Minh ban chiếu xá tội cho Đấng Dung; đổi An Nam quốc thành An Nam Đô Thống Sử, ban cho Đấng Dung chức Đô Thống Sử, hàm nhị phẩm, và một quả ấn bạc, và được dời đời truyền nối. Đất đai bốn động do Đấng Dung dâng trả thì thu cả vào địa đồ Trung Quốc.

Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 21 nhà Minh, mùa xuân tháng ba, Mạc Phúc Hải thân dẫn bảy tòi là bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Ninh Ngũ, đến cửa quan Trấn An, lĩnh tờ sắc, quả ấn và 1000 quyển lịch. Vua nhà Minh ban sắc dụ cho Phúc Hải rằng:

Trẫm là Hoàng Đế, coi thiên hạ như một nhà, muốn cho muôn dân cùng được yên ổn, nơi nơi đều vậy, không thị xa gần. Nước An Nam nhà người, ở phương Nam xa, đời đời giữ lệ triều cống. Mấy năm trước đây không tới cống hiến, xét về duyên cớ, chính là tội của Đấng Dung, tổ phụ người. Trẫm đã sai quan dẫn quân hỏi tội, tổ phụ người biết hối cải, dâng biểu xin hàng, kể hết duyên cớ về tội tự tiện trao ngôi nhận ngôi, tình nguyện hiến đất đai nhân dân, theo quyên triều đình xử định. Mao Bá Ôn dâng sớ tâu việc đó, triều đình giao bộ binh họp bàn, rồi để nghị rằng: "Tổ phụ người, Đấng Dung sợ oai đầu hàng là thành thực đáng tội". Trẫm vì đức hiếu sinh, muốn thuận tình an lạc cho hạ dân, cho nên tha cho hết thấy tội lỗi. Đổi quốc hiệu, bỏ phong vương, trao chức Đô Thống Sử, hàm tòng nhị phẩm nha môn, dùng ấn bạc, được theo ngày tháng, và triều cống, cho con cháu được nối ngôi, đời đời giữ đất nước. Đó là một lợi ích rất lâu dài cho dòng họ nhà người vậy. Nay quan trấn thủ tâu rằng Đấng Dung, tổ phụ người đã chết bệnh, người là cháu đích tôn, và người đã bày tỏ hết nỗi chí thành về sự đầu hàng của tổ phụ người, lại thuật hết những lời di chúc của tổ phụ người. Như vậy cũng có thể gọi là noi được chí tổ phụ vậy.

Vậy ban sắc dụ này, ban chức Đô Thống Sử cho tổ phụ người. Người nên tuân theo, hết lòng trung thành, kính giữ chức cống, cai trị dân chúng, yên tĩnh địa phương, để xứng với ý thương mến của triều

đình, và hợp với lòng thành kính của tổ phụ,

sẽ hưởng phúc đầy, há chẳng đẹp ru?

Phàm mọi công việc đều phải chiếu theo các lẽ trong tờ sắc dụ đã ban cho tổ phụ người mà làm. Kính đấy.

Mạc Phúc Hải nhận lĩnh mọi khoản, trở về kinh đô sai Nguyễn Bạt Tụy soạn biểu tạ ơn như sau:

Phủ phục kính thưa Trung Quốc có thánh nhân, trưng điểm sông trong biển lặng, ngoài di lai triều cận thắm nhuần phúc lớn ơn sâu. Giở ngọc khí dương thuận, bắc thần mọi sao chiếu.

Hạ thần Phúc Hải trộm nghĩ: lòng trời đất thể theo muôn vật, đức hiếu sinh ban bố đồng đều, không vì tươi khô mà phân biệt. Đức Hoàng Đế vẫn thương yêu người, kẻ nào cũng đều thương xót, không vì còn mất mà sai thù. Đó là lẽ công bằng, cho nên ban ra rất rộng.

Hạ thần Phúc Hải trộm nghĩ: Tổ phụ Đấng Dung, sớm do đời loạn, gặp phải gian truân. Nhân dân lưu ly toán loạn, giữ được bình an, quen thói cha truyền con nối, tự chuyển vốn sợ. Mấy năm thiêu cống Bắc triều, một sớm bỗng nghe nổi giận. Đợi tội Nam Quan, những sợ nường thân không đất. Tới hàng cửa khuyết, may sao bực bạch thấu trời, bèn ban ơn vũ lộ. Ôn sâu tẩm gội, mong được toại nguyện trung thành, di chúc đình ninh, không dám quên lòng bề trên thương xót.

Hạ thần Phúc Hải, đương tuổi trẻ thơ, lạm nối ngành trưởng. Theo lời kính trung tổ phụ, việc nước chăm lo, nhờ ơn thương rộng triều đình những mong tới dưới. Đợi ơn thể tuất, bèn được vinh quang. Cho được vâng lĩnh ấn tin, nêu cao danh khí. Ân sâu thắm khấp, quả đổi trời cao. Phụ tổ hạ thần đợi mệnh lúc hơi tàn, tuy chết mà vinh dự. Chính hạ thần đang ở kỳ tang thứ, nước mắt theo giàn. Tất cả nhân dân toàn cõi đều biết thánh thượng vô tư. Kính lạy hoàng đế bệ hạ gồm các công đức cương kiện tụy tình thông minh duệ trí. Kính những sáng khấp bốn phương, Nghiêu văn rực rỡ, tài đức ban yên mọi nước, vũ liệt nguy nga, hòa thuận thái bình, hoàng gia ban bố. Coi áp hạ thần ngàn dặm xa xăm, muốn đồng thánh giáo phụ tổ hạ thần một lòng kính thuận, ơn khắp thủy chung. Sắc dụ đã ban, khúc thánh tổ đạo. Hạ thần kính cần thay tổ phụ bái lĩnh để biểu dương công đức chúng. Chánh lệnh đức trạch đổi dào nung đức đo nơi thánh hóa, thổ địa thuế sưu cống hiến, thánh thực ở mức chính cung.

Sau Mạc Phúc Hải, nhà Mạc truyền thêm được hai đời: Mạc Phúc Nguyên (1546-1561) và Mạc Mậu Hợp (1562-1592). Mạc Mậu Hợp làm vua được 30 năm, bị Trịnh Tùng bắt đem chém tại Thăng Long và đem đầu bêu tại Thanh Hóa. Nhà Mạc mất ngôi từ đó. Nhưng con cháu còn được nhà Minh bên vực, giữ được đất Cao Bằng thêm ba đời nữa. ☐